

THỐNG KÊ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021-2022

Khoa: Công nghệ Thông tin

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Cao đẳng														
Ngành: An ninh mạng														
1	19C1-ANM1	11		4	36,36	2	18,18	0	0,00	5	45,45	0	0,00	
CỘNG 01 Lớp		11	0	4	36,36	2	18,18	0	0,00	5	45,45	0	0,00	0
Ngành: Công nghệ kỹ thuật máy tính														
1	19C1-CMT1	20		11	55,00	8	40,00	0	0,00	0	0,00	1	5,00	
2	20C1-CMT1	40	1	0	0,00	0	0,00	0	0,00	38	95,00	2	5,00	
3	21C1-CMT1	59	2	0	0,00	0	0,00	4	6,78	47	79,66	8	13,56	
4	20C2-CMT1	15		0	0,00	2	13,33	5	33,33	1	6,67	7	46,67	
CỘNG 04 Lớp		134	3	11	8,21	10	7,46	9	6,72	86	64,18	18	13,43	0
Ngành: Thiết kế đồ họa														
1	19C1-TKĐ1	40	9	17	42,50	8	20,00	5	12,50	6	15,00	4	10,00	
2	19C1-TKĐ2	28	4	15	53,57	6	21,43	1	3,57	0	0,00	6	21,43	
3	20C1-TKĐ1	36	5	0	0,00	1	2,78	1	2,78	31	86,11	3	8,33	
4	20C1-TKĐ2	32	6	0	0,00	3	9,38	6	18,75	22	68,75	1	3,13	
5	21C1-TKĐ1	55	6	2	3,64	7	12,73	18	32,73	19	34,55	9	16,36	
6	21C1-TKĐ2	51	11	1	1,96	7	13,73	19	37,25	15	29,41	9	17,65	
CỘNG 06 Lớp		242	41	35	14,46	32	13,22	50	20,66	93	38,43	32	13,22	0

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Ngành: Thiết kế trang Web														
1	19C1-TKW1	20	3	3	15,00	6	30,00	2	10,00	9	45,00	0	0,00	
2	20C1-TKW1	20	3	0	0,00	2	10,00	8	40,00	10	50,00	0	0,00	
3	21C1-TKW1	40	2	0	0,00	0	0,00	4	10,00	31	77,50	5	12,50	
4	20C2-TKW1	11		0	0,00	0	0,00	4	36,36	5	45,45	2	18,18	
CỘNG 04 Lớp		91	8	3	3,30	8	8,79	18	19,78	55	60,44	7	7,69	0
Ngành: Đồ họa đa phương tiện														
1	20C1-ĐHĐ1	19	6	0	0,00	1	5,26	4	21,05	12	63,16	2	10,53	
CỘNG 01 Lớp		19	6	0	0,00	1	5,26	4	21,05	12	63,16	2	10,53	0
Ngành: Tin học ứng dụng														
1	20C2-THU1	26	6	0	0,00	5	19,23	7	26,92	12	46,15	2	7,69	
CỘNG 01 Lớp		26	6	0	0,00	5	19,23	7	26,92	12	46,15	2	7,69	0
Ngành: Lập trình máy tính														
1	19C1-LTM1	34		9	26,47	13	38,24	5	14,71	6	17,65	1	2,94	
2	20C1-LTM1	31	0	0	0,00	1	3,23	4	12,90	22	70,97	4	12,90	
3	20C1-LTM2	31	3	0	0,00	0	0,00	6	19,35	24	77,42	1	3,23	
4	21C1-LTM1	40	3	0	0,00	0	0,00	3	7,50	29	72,50	8	20,00	
5	21C1-LTM2	37	0	1	2,70	1	2,70	9	24,32	18	48,65	8	21,62	
6	21C3-LTM1	25	1	0	0,00	2	8,00	6	24,00	13	52,00	4	16,00	
7	21C7-LTM1	15	1	0	0,00	2	13,33	10	66,67	2	13,33	1	6,67	
8	20C2-LTM1	21		0	0,00	3	14,29	6	28,57	6	28,57	6	28,57	
CỘNG 08 Lớp		234	8	10	4,27	22	9,40	49	20,94	120	51,28	33	14,10	0

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)	
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu			
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Ngành: Mạng máy tính, Quản trị mạng máy															
1	19C1-QTM1	23		11	47,83	10	43,48	0	0,00	2	8,70	0	0,00		
2	20C1-QTM1	32	2	0	0,00	0	0,00	0	0,00	29	90,63	3	9,38		
3	21C1-QTM1	34	2	0	0,00	0	0,00	8	23,53	20	58,82	6	17,65		
4	20C2-QTM1	35	2	2	5,71	6	17,14	5	14,29	15	42,86	7	20,00		
CỘNG 04 Lớp		124	6	13	10,48	16	12,90	13	10,48	66	53,23	16	12,90	0	
Trung cấp															
Ngành: An ninh mạng															
1	19T4-ANM1	16	1	0	0,00	2	12,50	5	31,25	9	56,25	0	0,00		
2	19T4-ANM2	19	1	1	5,26	3	15,79	4	21,05	11	57,89	0	0,00		
3	20T4-ANM1	19	2	0	0,00	2	10,53	3	15,79	14	73,68	0	0,00		
4	21T4-ANM1	37	3	0	0,00	2	5,41	4	10,81	31	83,78	0	0,00		
CỘNG 04 Lớp		91	7	1	1,10	9	9,89	16	17,58	65	71,43	0	0,00	0	
Ngành: Công nghệ kỹ thuật phần cứng máy															
1	19T4-CMT1	42		0	0,00	7	16,67	7	16,67	24	57,14	4	9,52		
2	19T4-CMT2	19	1	1	5,26	3	15,79	5	26,32	10	52,63	0	0,00		
3	20T4-CMT1	26	1	0	0,00	1	3,85	3	11,54	22	84,62	0	0,00		
4	20T4-CMT2	20	0	0	0,00	0	0,00	0	0,00	20	100,00	0	0,00		
5	21T4-CMT1	54		0	0,00	0	0,00	6	11,11	46	85,19	2	3,70		
CỘNG 05 Lớp		161	2	1	0,62	11	6,83	21	13,04	122	75,78	6	3,73	0	
Ngành: Thiết kế đồ họa															
1	19T4-TKĐ1	49	19	1	2,04	9	18,37	18	36,73	18	36,73	3	6,12		
2	19T4-TKĐ2	47	23	1	2,13	8	17,02	19	40,43	19	40,43	0	0,00		
3	20T4-TKĐ1	43	20	2	4,65	4	9,30	6	13,95	31	72,09	0	0,00		
4	20T4-TKĐ2	40	11	0	0,00	4	10,00	10	25,00	25	62,50	1	2,50		
5	20T4-TKĐ3	37	7	1	2,70	1	2,70	5	13,51	28	75,68	2	5,41		

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
6	21T4-TKĐ1	49	14	0	0,00	8	16,33	19	38,78	22	44,90	0	0,00	
7	21T4-TKĐ2	51	16	0	0,00	1	1,96	8	15,69	41	80,39	1	1,96	
8	21T4-TKĐ3	43	20	0	0,00	2	4,65	19	44,19	22	51,16	0	0,00	
CỘNG 08 Lớp		359	130	5	1,39	37	10,31	104	28,97	206	57,38	7	1,95	0
Ngành: Thiết kế trang Web														
1	19T4-TKW1	46	8	0	0,00	3	6,52	17	36,96	26	56,52	0	0,00	
2	20T4-TKW1	42	6	7	16,67	4	9,52	16	38,10	14	33,33	1	2,38	
3	21T4-TKW1	38	6	1	2,63	2	5,26	8	21,05	26	68,42	1	2,63	
CỘNG 03 Lớp		126	20	8	6,35	9	7,14	41	32,54	66	52,38	2	1,59	0
Ngành: Đồ họa đa phương tiện														
1	20T4-ĐHĐ1	52	20	0	0,00	2	3,85	15	28,85	34	65,38	1	1,92	
2	21T4-ĐHĐ1	62	20	0	0,00	0	0,00	8	12,90	46	74,19	8	12,90	
CỘNG 02 Lớp		114	40	0	0,00	2	1,75	23	20,18	80	70,18	9	7,89	0
Ngành: Tin học ứng dụng														
1	19T4-THU1	46	12	2	4,35	6	13,04	23	50,00	15	32,61	0	0,00	
2	20T4-THU1	56	6	0	0,00	3	5,36	11	19,64	41	73,21	1	1,79	
3	21T4-THU1	42	8	0	0,00	2	4,76	11	26,19	27	64,29	2	4,76	
CỘNG 03 Lớp		144	26	2	1,39	11	7,64	45	31,25	83	57,64	3	2,08	0
Ngành: Lập trình máy tính														
1	19T4-LTM1	41	5	1	2,44	10	24,39	12	29,27	16	39,02	2	4,88	
2	19T4-LTM2	44	3	1	2,27	2	4,55	20	45,45	13	29,55	8	18,18	
3	20T4-LTM1	36	6	3	8,33	2	5,56	6	16,67	25	69,44	0	0,00	
4	20T4-LTM2	31	1	1	3,23	2	6,45	3	9,68	24	77,42	1	3,23	
5	21T4-LTM1	57	1	0	0,00	7	12,28	8	14,04	39	68,42	3	5,26	
6	21T4-LTM2	59		1	1,69	7	11,86	22	37,29	29	49,15	0	0,00	
7	21T4-LTM3	59	1	1	1,69	0	0,00	3	5,08	49	83,05	6	10,17	
CỘNG 07 Lớp		327	17	8	2,45	30	9,17	74	22,63	195	59,63	20	6,12	0

S TT	LỚP	SĨ SỐ		KẾT QUẢ RÈN LUYỆN										GHI CHÚ (Không xếp loại)
		TỔNG	NỮ	Xuất sắc		Tốt		Khá		Trung Bình		Yếu		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Ngành: Quản trị mạng máy tính														
1	19T4-QTM1	43	3	1	2,33	8	18,60	10	23,26	17	39,53	7	16,28	
2	20T4-QTM1	33	2	0	0,00	2	6,06	9	27,27	22	66,67	0	0,00	
3	20T4-QTM2	29	2	0	0,00	0	0,00	4	13,79	25	86,21	0	0,00	
4	21T4-QTM1	33	4	1	3,03	6	18,18	5	15,15	20	60,61	1	3,03	
5	21T4-QTM2	34	1	0	0,00	2	5,88	6	17,65	25	73,53	1	2,94	
6	20T5-THU1	28	14	3	10,71	16	57,14	8	28,57	1	3,57	0	0,00	
CỘNG 06 Lớp		200	26	5	2,50	34	17,00	42	21,00	110	55,00	9	4,50	0
67	TỔNG CỘNG (67 LỚP)	2403	346	106	4,41	239	9,95	516	21,47	1376	57,26	166	6,91	0

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG TTGD - CTSV



Lê Xuân Thiện

- Từ XS, Tốt, Khá trở lên 861 35,83
- Trung bình 1376 57,26
- Yếu 166 6,91

- Từ TB trở lên 2237 93,09
- Yếu 166 6,91

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Hồng Minh